

Số: **07** /KH-UBND

Hà Nội, ngày **11** tháng 01 năm 2017

KẾ HOẠCH

Triển khai đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 thành phố Hà Nội

Căn cứ Quyết định số 4361/QĐ-BNV ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”; Quyết định số 4373/QĐ-BNV ngày 29/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2016 của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, UBND Thành phố xây dựng Kế hoạch triển khai đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số CCHC năm 2016 của Thành phố như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá và tự chấm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2016 của Thành phố trên các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần theo quy định tại Quyết định số 4361/QĐ-BNV ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;
- Xác định Chỉ số CCHC năm 2016 của Thành phố theo yêu cầu tại Quyết định số 4373/QĐ-BNV ngày 29/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Yêu cầu

- Việc đánh giá, chấm điểm đảm bảo chính xác, trung thực, khách quan và theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.
- Có tài liệu kiểm chứng, dẫn chứng gửi kèm theo; trường hợp đánh giá, chấm điểm không có tài liệu kiểm chứng thì phải diễn giải đầy đủ, cụ thể cách đánh giá, tính điểm.
- Đảm bảo thời gian hoàn thành việc tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2016 của Thành phố và gửi Báo cáo kết quả kèm theo tài liệu kiểm chứng về Bộ Nội vụ **trước ngày 21/01/2017**.

- Phối hợp Bộ Nội vụ trong việc tổ chức điều tra xã hội học đảm bảo khách quan, phù hợp với điều kiện thực tế của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

II. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM

1. Tổ chức đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số CCHC

Các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông:

Thực hiện việc đánh giá, chấm điểm vào các Biểu phụ lục đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc các lĩnh vực do Sở phụ trách (*Biểu II.1. Sở Nội vụ,*

Biểu II.2. Sở Tư pháp, Biểu II.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Biểu II.4. Sở Tài chính, Biểu II.5. Sở Khoa học và Công nghệ, Biểu II.6. Sở Thông tin và Truyền thông).

2. Phối hợp điều tra xã hội học

a) Văn phòng Hội đồng nhân dân Thành phố

Đề nghị cơ quan phối hợp với Sở Nội vụ giúp Bộ Nội vụ tổ chức lấy phiếu điều tra xã hội học đối với 08 đại biểu là Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư

Lựa chọn 100 doanh nghiệp (trong đó có các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp FDI và các doanh nghiệp ngoài quốc doanh) để phục vụ công tác điều tra xã hội học của Bộ Nội vụ.

c) Các sở, ban, ngành Thành phố

Mỗi sở, ngành chọn 03 lãnh đạo sở, ngành tham gia điều tra xã hội học.

d) Các quận, huyện: Tây Hồ, Long Biên, Ba Vì, Thanh Trì

Mỗi quận, huyện chọn 03 lãnh đạo quận, huyện tham gia điều tra xã hội học; 03 đơn vị hành chính cấp xã có trình độ phát triển kinh tế - xã hội thuộc loại tốt, trung bình, kém (trong đó tại mỗi đơn vị hành chính cấp xã chọn ngẫu nhiên 30 người dân để điều tra xã hội học).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở được giao nhiệm vụ giúp UBND Thành phố đánh giá, chấm điểm

- Tổ chức triển khai việc đánh giá, chấm điểm theo các mẫu biểu; thu thập và cung cấp đầy đủ các tài liệu kiểm chứng, các số liệu dẫn chứng, chứng minh, minh họa việc đánh giá, chấm điểm đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc các lĩnh vực đơn vị phụ trách.

- Báo cáo bằng văn bản kết quả việc đánh giá, chấm điểm (*theo Phụ lục I, Phụ lục 2 gửi kèm Kế hoạch này*), kèm theo số liệu, tài liệu kiểm chứng gửi về **Sở Nội vụ chậm nhất ngày 16/01/2017** để tổng hợp, giúp UBND Thành phố ban hành Báo cáo kết quả việc đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số CCHC năm 2016 thành phố Hà Nội, kịp thời gửi Bộ Nội vụ.

2. Các sở, ban, ngành Thành phố, UBND các quận, huyện được giao nhiệm vụ phối hợp Bộ Nội vụ trong việc tổ chức điều tra xã hội học

- Dự kiến danh sách các đối tượng tham gia điều tra xã hội học (*theo mẫu Phụ lục III gửi kèm Kế hoạch này*) và gửi về Sở Nội vụ **chậm nhất ngày 20/01/2017**.

- Phối hợp với Sở Nội vụ để giúp Bộ Nội vụ triển khai công tác điều tra xã hội (thời gian từ tháng 02 đến tháng 3/2017; lịch, phương pháp điều tra cụ thể theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ).

3. Sở Nội vụ

- Sao gửi văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ về công tác tự đánh giá, chấm điểm; kịp thời triển khai các nội dung hướng dẫn của Bộ Nội vụ cho các cơ quan được giao nhiệm vụ trong Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với các sở liên quan tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần, báo cáo UBND Thành phố xem xét, quyết định (**chậm nhất ngày 18/01/2017**); kịp thời gửi Bộ Nội vụ Báo cáo kết quả việc tự theo dõi, đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số CCHC năm 2016 thành phố Hà Nội ngay sau khi UBND Thành phố ký phát hành (*kèm theo đủ các tài liệu kiểm chứng*).

- Chủ động, phối hợp với các sở, ngành, quận, huyện giúp Bộ Nội vụ chọn đối tượng điều tra xã hội học, bố trí nhân lực, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác trong quá trình Bộ Nội vụ tổ chức điều tra xã hội học đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn Thành phố.

UBND Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch UBND các quận, huyện: Tây Hồ, Long Biên, Ba Vì, Thanh Trì tổ chức thực hiện Kế hoạch. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị báo cáo, phản ánh về UBND Thành phố (qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Văn phòng HĐND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- UBND các quận/huyện: Tây Hồ, Long Biên, Ba Vì, Thanh Trì;
- VP UB TP: CVP, các PVP;
- Các phòng: NC, TKBT, HCTC, TH;
- Lưu: VT, NC, SNV (10)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chung

PHỤ LỤC I

MẪU BÁO CÁO

(Kèm theo Kế hoạch số 07 /KH-UBND ngày 01 tháng 01 năm 2017 của UBND
Thành phố)

SỐ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-.....

....., ngày tháng năm ...

BÁO CÁO

Về kết quả đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần
Chỉ số cải cách hành chính

Sở gửi Sở Nội vụ Báo cáo kết quả về đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần chỉ số Cải cách hành chính lĩnh vực... với các nội dung chính như sau:

- Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính (xin gửi kèm theo).
- Các tài liệu kiểm chứng gửi kèm theo Bảng tổng hợp.
- Đối với những tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng thì phải diễn giải đầy đủ, cụ thể cách đánh giá, tính điểm kèm theo Bảng tổng hợp.
- Các đề xuất, kiến nghị (nếu có).

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;

-

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC II

**MẪU BẢNG ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TIÊU CHÍ,
TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CCHC**

(Kèm theo Kế hoạch số 07 /KH-UBND ngày 11/ 01/2017 của UBND Thành phố)

Biểu II.1 – SỞ NỘI VỤ

STT (theo Bộ Chỉ số)	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC			
1.1	Kế hoạch CCHC năm	2		
1.1.1	Thời gian ban hành kế hoạch <i>(trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch)</i>	0,5		
	<i>Ban hành kịp thời: 0,5</i>			
	<i>Ban hành không kịp thời: 0</i>			
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC	0,5		
	<i>Đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ: 0,5</i>			
	<i>Không đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ: 0</i>			
1.1.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC	1		
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>			
	<i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5</i>			
	<i>Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,25</i>			
	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</i>			
1.2	Thực hiện công tác báo cáo CCHC	2		
1.2.1	Báo cáo CCHC định kỳ	1		
	<i>Đáp ứng yêu cầu về số lượng, nội dung và thời gian báo cáo theo hướng dẫn: 1</i>			
	<i>Không đáp ứng yêu cầu về số lượng hoặc nội dung hoặc thời gian báo cáo theo hướng dẫn: 0</i>			

STT (theo Bộ Chỉ số)	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
1.2.2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả Chỉ số CCHC	1		
	<i>Điểm tự chấm chính xác 100% so với kết quả thẩm định: 1</i>			
	<i>Điểm tự chấm sai số không quá 3% so với kết quả thẩm định: 0,5</i>			
	<i>Điểm tự chấm sai số trên 3% so với kết quả thẩm định: 0</i>			
1.3	<i>Kiểm tra công tác CCHC</i>	2		
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra trong năm	1		
	<i>Từ 30% số cơ quan, đơn vị trở lên: 1</i>			
	<i>Từ 20% - dưới 30% số cơ quan, đơn vị: 0,5</i>			
	<i>Dưới 20% số cơ quan, đơn vị: 0</i>			
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1		
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>			
	<i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>			
	<i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</i>			
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			
	<i>Thực hiện các hình thức tuyên truyền khác về CCHC: 0,5</i>			
1.5	<i>Sáng kiến trong cải cách hành chính</i>	1		
	<i>Có sáng kiến mới trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh trong năm: 1</i>			
	<i>Không có sáng kiến: 0</i>			

STT (theo Bộ Chỉ số)	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
	<i>Từ 90% - dưới 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>			
	<i>Dưới 90% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH			
4.1	<i>Tuân thủ các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy</i>	1,5		
	<i>Thực hiện đầy đủ theo quy định: 1,5</i>			
	<i>Không thực hiện đầy đủ theo quy định: 0</i>			
4.2	<i>Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện</i>	2		
4.2.1	<i>Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra</i>	1		
	<i>Từ 30% số cơ quan, đơn vị trở lên: 1</i>			
	<i>Từ 20% - dưới 30% số cơ quan, đơn vị: 0,5</i>			
	<i>Dưới 20% số cơ quan, đơn vị: 0</i>			
4.2.2	<i>Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra</i>	1		
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>			
	<i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>			
	<i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</i>			
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			

STT (theo Bộ Chỉ số)	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
	<i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>			
	<i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</i>			
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	9,5		
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2		
5.1.1	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1		
	<i>100% số cơ quan, tổ chức: 1</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, tổ chức: 0,5</i>			
	<i>Từ 60% - dưới 80% số cơ quan, tổ chức: 0,25</i>			
	<i>Dưới 60% số cơ quan, tổ chức: 0</i>			
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1		
	<i>100% số đơn vị: 1</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: 0,5</i>			
	<i>Từ 60% - dưới 80% số đơn vị: 0,25</i>			
	<i>Dưới 60% số đơn vị: 0</i>			
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức	1		
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại cơ quan chuyên môn	0,5		

STT (theo Bộ Chỉ số)	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
	cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã			
	<i>Đúng quy định: 0,5</i>			
	<i>Không đúng quy định: 0</i>			
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	0,5		
	<i>Đúng quy định: 0,5</i>			
	<i>Không đúng quy định: 0</i>			
5.3	<i>Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh</i>	1		
5.3.1	Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức	0,5		
	<i>Đúng quy định: 0,5</i>			
	<i>Không đúng quy định: 0</i>			
5.3.2	Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức	0,5		
	<i>Đúng quy định: 0,5</i>			
	<i>Không đúng quy định: 0</i>			
5.4	<i>Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp sở và tương đương</i>	1		
	<i>100% số lãnh đạo cấp sở và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 1</i>			
	<i>Dưới 100% số lãnh đạo cấp sở và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 0</i>			
5.5	<i>Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại công chức, viên chức</i>	0,5		
	<i>Đúng quy định: 0,5</i>			
	<i>Không đúng quy định: 0</i>			
5.6	<i>Mức độ hoàn thành kế hoạch tinh giản biên chế trong năm</i>	1		
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>			

STT (theo Bộ Chỉ số)	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
	<i>Hoàn thành từ 70% - dưới 100% kế hoạch: 0,5</i>			
	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</i>			
5.7	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1,5		
5.7.1	Thực hiện công tác báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	0,5		
	<i>Đúng quy định: 0,5</i>			
	<i>Không đúng quy định: 0</i>			
5.7.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1		
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>			
	<i>Hoàn thành từ 70% - dưới 100% kế hoạch: 0,5</i>			
	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</i>			
5.8	Cán bộ, công chức cấp xã	1,5		
5.8.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	0,5		
	<i>100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0,5</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0,25</i>			
	<i>Dưới 80% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0</i>			
5.8.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	0,5		
	<i>100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0,5</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0,25</i>			
	<i>Dưới 80% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0</i>			
5.8.3	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghệ vụ trong năm	0,5		
	<i>Từ 70% số cán bộ, công chức trở</i>			

STT (theo Bộ Chỉ số)	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
	<i>lên: 0,5</i>			
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cán bộ, công chức: 0,25</i>			
	<i>Dưới 50% số cán bộ, công chức: 0</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0,25</i>			
	<i>Dưới 80% số cơ quan, đơn vị: 0</i>			
8	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG	8		
8.1	<i>Thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông</i>	5,5		
8.1.1	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh (<i>sở, ban, ngành</i>) được thực hiện theo cơ chế một cửa	1		
	<i>100% số TTHC: 1</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số TTHC: 0,5</i>			
	<i>Từ 70% - dưới 80% số TTHC: 0,25</i>			
	<i>Dưới 70% số TTHC: 0</i>			
8.1.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa	1,5		
	<i>100% số đơn vị: 1,5</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: 1</i>			
	<i>Từ 60% - dưới 80% số đơn vị: 0,5</i>			
	<i>Dưới 60% số đơn vị: 0</i>			
8.1.3	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa (<i>Không tính các xã thuộc huyện đảo</i>)	1,5		
	<i>100% số đơn vị: 1,5</i>			

STT (theo Bộ Chỉ số)	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
	<i>Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: 1</i>			
	<i>Từ 60% - dưới 80% số đơn vị: 0,5</i>			
	<i>Dưới 60% số đơn vị: 0</i>			
8.1.4	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông	1,5		
	<i>Từ 50 TTHC trở lên: 1,5</i>			
	<i>Từ 30 - 49 TTHC: 1</i>			
	<i>Từ 20- 29 TTHC: 0,5</i>			
	<i>Dưới 20 TTHC: 0</i>			
8.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại	1		
	<i>100% số đơn vị: 1</i>			
	<i>Từ 50% - dưới 100% số đơn vị: 0,5</i>			
	<i>Dưới 50% số đơn vị: 0</i>			
8.3	Kết quả giải quyết TTHC	1,5		
8.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	0,5		
	<i>100% số cơ quan: 0,5</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số cơ quan: 0,25</i>			
	<i>Dưới 80% số cơ quan: 0</i>			
8.3.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	0,5		
	<i>100% số đơn vị: 0,5</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: 0,25</i>			
	<i>Dưới 80% số đơn vị: 0</i>			
8.3.3	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng	0,5		

STT (theo Bộ Chỉ số)	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
	hạn			
	<i>100% số đơn vị: 0,5</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: 0,25</i>			
	<i>Dưới 80% số đơn vị: 0</i>			
	<i>Đạt từ 60% - dưới 80%: 1,5</i>			
	<i>Đạt dưới 60%: 0</i>			
	TỔNG ĐIỂM			

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;

.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC II

**MẪU BẢNG ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ
THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CCHC**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /01/2017 của UBND Thành phố)

Biểu II.2 – SỞ TƯ PHÁP

**BẢNG ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ
THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CCHC**

STT (theo Bộ Chỉ số)	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI TỈNH	7,5		
2.1	<i>Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh</i>	2		
2.1.1	Xây dựng VBQPPL trong năm theo danh mục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	1,5		
	<i>100% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 1,5</i>			
	<i>Từ 90% - dưới 100% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 1</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 90 % số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 0,5</i>			
	<i>Dưới 80% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 0</i>			
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL	0,5		
	<i>100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình: 0,5</i>			
	<i>Dưới 100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình: 0</i>			
2.2	Theo dõi thi hành pháp luật	2,5		
2.2.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của tỉnh	1		
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>			

STT (theo Bộ Chỉ số)	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
	<i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5</i>			
	<i>Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,25</i>			
	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</i>			
2.2.2	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	0,5		
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0,5</i>			
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0</i>			
2.2.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1		
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>			
	<i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>			
	<i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</i>			
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			
2.3	Rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1,5		
2.3.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	0,5		
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0,5</i>			
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0</i>			
2.3.2	Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1		
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>			

STT (theo Bộ Chỉ số)	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
	<i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>			
	<i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</i>			
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			
2.4	Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật	1,5		
2.4.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý VBQPPL	0,5		
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0,5</i>			
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0</i>			
2.4.2	Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1		
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>			
	<i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>			
	<i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</i>			
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	9		
3.1	Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (TTHC)	2		
3.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính	1		
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>			
	<i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100%</i>			

STT (theo Bộ Chỉ số)	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
	<i>kế hoạch: 0,5</i>			
	<i>Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,25</i>			
	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</i>			
3.1.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	1		
	<i>100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>			
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			
3.2	Công bố, cập nhật thủ tục hành chính	2		
3.2.1	Công bố TTHC theo quy định của Chính phủ	1		
	<i>Công bố đầy đủ, kịp thời TTHC và các quy định có liên quan: 1</i>			
	<i>Công bố không đầy đủ hoặc không kịp thời: 0</i>			
3.2.2	Cập nhật TTHC và các văn bản quy định về TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia	1		
	<i>Kịp thời: 1</i>			
	<i>Không kịp thời: 0</i>			
3.3	Công khai thủ tục hành chính	3		
3.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1		
	<i>100% số cơ quan, đơn vị: 1</i>			
	<i>Từ 85% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0,5</i>			
	<i>Từ 70% - dưới 85% số cơ quan, đơn vị: 0,25</i>			
	<i>Dưới 70% số cơ quan, đơn vị: 0</i>			

STT (theo Bộ Chỉ số)	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
3.3.2	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.	1		
	<i>100% số cơ quan, đơn vị: 1</i>			
	<i>Dưới 100% số cơ quan đơn vị: 0</i>			
3.3.3	Tỷ lệ TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh	1		
	<i>100% số TTHC: 1</i>			
	<i>Dưới 100% số TTHC: 0</i>			
3.4	Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	2		
3.4.1	Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	1		
	<i>Thực hiện đúng quy định: 1</i>			
	<i>Không thực hiện đúng quy định: 0</i>			
3.4.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	1		
	<i>100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>			
	<i>Từ 90% - dưới 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>			
	<i>Dưới 90% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			
	TỔNG ĐIỂM			

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;

- ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC II

**MẪU BẢNG ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ
THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CCHC**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /01/2017 của UBND Thành phố)

Biểu II.3 – SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

**BẢNG ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ
THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CCHC**

STT (theo Bộ Chỉ số)	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
I	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC CỦA TỈNH			
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH			
4.3	<i>Thực hiện phân cấp quản lý</i>	3		
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành	1		
	<i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 1</i>			
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0</i>			
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã	1		
	<i>Có thực hiện: 1</i>			
	<i>Không thực hiện: 0</i>			
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1		
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>			
	<i>Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>			
	<i>Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</i>			

STT (theo Bộ Chỉ số)	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			
II	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH			
1	Tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh	3		
1.1	Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh	1,5		
	<i>Cao hơn so với năm trước liền kề: 1,5</i>			
	<i>Bằng so với năm trước liền kề: 1</i>			
	<i>Thấp hơn so với năm trước liền kề: 0</i>			
1.2	Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm	1,5		
	<i>Tăng từ 30% trở lên so với năm trước liền kề: 1,5</i>			
	<i>Tăng từ 10% - dưới 30% so với năm trước liền kề: 1</i>			
	<i>Tăng dưới 10% so với năm trước liền kề: 0</i>			
	<i>Đạt từ 60% - dưới 80%: 1,5</i>			
	<i>Đạt dưới 60%: 0</i>			
	TỔNG ĐIỂM			

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;

- ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC II

**MẪU BẢNG ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ
THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CCHC**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /01/2017 của UBND Thành phố)

Biểu II.4 – SỞ TÀI CHÍNH

**BẢNG ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ
THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CCHC**

STT (theo Bộ Chỉ số)	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	4		
6.1	<i>Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính</i>	1		
	<i>Đúng quy định: 1</i>			
	<i>Không đúng quy định: 0</i>			
6.2	<i>Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh</i>	3		
6.2.1	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	1		
	<i>100% số đơn vị: 1</i>			
	<i>Dưới 100% số đơn vị: 0</i>			
6.2.2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên	1		
	<i>Số đơn vị tăng so với năm trước: 1</i>			
	<i>Số đơn vị không tăng so với năm trước: 0</i>			
6.2.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp	0,5		
	<i>100% số đơn vị đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án: 0,5</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số đơn vị đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề</i>			

STT (theo Bộ Chỉ số)	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
	<i>án: 0,25</i>			
	<i>Dưới 80% số đơn vị đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án: 0</i>			
6.2.4	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm	0,5		
	<i>100% số đơn vị: 0,5</i>			
	<i>Dưới 100% số đơn vị: 0</i>			
	TỔNG ĐIỂM			

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;

.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC II

**MẪU BẢNG ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ
THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CCHC**

((Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / 01/2017 của UBND Thành phố))

Biểu II.5 – SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**BẢNG ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ
THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CCHC**

STT (theo Bộ Chỉ số)	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH			
7.3	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008	1,5		
7.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008	0,5		
	<i>100% số cơ quan, đơn vị: 0,5</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0,25</i>			
	<i>Dưới 80% số cơ quan, đơn vị: 0</i>			
7.3.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008	0,5		
	<i>Từ 70% số đơn vị trở lên: 0,5</i>			
	<i>Từ 50% - dưới 70% số đơn vị: 0,25</i>			
	<i>Dưới 50% số đơn vị: 0</i>			
7.3.3	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo quy định	0,5		
	<i>100% số cơ quan, đơn vị: 0,5</i>			

STT (theo Bộ Chỉ số)	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
	<i>Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0,25</i>			
	<i>Dưới 80% số cơ quan, đơn vị: 0</i>			
	TỔNG ĐIỂM			

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;

-

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC II

**MẪU BẢNG ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ
THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CCHC**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /01/2017 của UBND Thành phố)

Biểu II.6 – SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

**BẢNG ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ
THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CCHC**

STT (theo Bộ Chỉ số)	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC			
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1,5		
1.4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC	0,5		
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 0,5</i>			
	<i>Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0,25</i>			
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>			
1.4.2	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC	1		
	<i>Thực hiện tuyên truyền đầy đủ nội dung CCHC thông qua các kênh truyền thông: 0,5</i>			
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH			
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của tỉnh	4		
7.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT	1		
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>			
	<i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5</i>			
	<i>Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,25</i>			
	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</i>			
7.1.2	Xây dựng và triển khai Kiến trúc	1		

STT (theo Bộ Chỉ số)	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
	Chính quyền điện tử của tỉnh			
	<i>Đã ban hành và duy trì, cập nhật theo quy định: 1</i>			
	<i>Đã ban hành nhưng không duy trì, cập nhật theo quy định: 0,5</i>			
	<i>Chưa ban hành Kiến trúc: 0</i>			
7.1.3	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử	1		
	<i>Từ 80% số văn bản trở lên: 1</i>			
	<i>Từ 60% - dưới 80% số văn bản: 0,5</i>			
	<i>Từ 50% - dưới 60% số văn bản: 0,25</i>			
	<i>Dưới 50% số văn bản: 0</i>			
7.1.4	Thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản (từ cấp tỉnh đến cấp xã)	1		
	<i>Đã kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã: 1</i>			
	<i>Đã kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến cấp huyện: 0,5</i>			
	<i>Chưa thực hiện kết nối liên thông: 0</i>			
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	3,5		
7.2.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3	1,5		
	<i>Từ 40% số hồ sơ TTHC trở lên: 1,5</i>			
	<i>Từ 30% - dưới 40% số hồ sơ TTHC: 1</i>			
	<i>Từ 20% - dưới 30% số hồ sơ TTHC: 0,5</i>			
	<i>Dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0</i>			
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực	1,5		

STT (theo Bộ Chỉ số)	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
	tuyển mức độ 4			
	<i>Từ 30% số hồ sơ TTHC trở lên: 1,5</i>			
	<i>Từ 20% - dưới 30% số hồ sơ TTHC: 1</i>			
	<i>Từ 10% - dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0,5</i>			
	<i>Dưới 10% số hồ sơ TTHC: 0</i>			
7.2.3	Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích	0,5		
	<i>Đúng quy định: 0,5</i>			
	<i>Không đúng quy định: 0</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0,25</i>			
	<i>Dưới 80% số cơ quan, đơn vị: 0</i>			
	TỔNG ĐIỂM			

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;

- ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC III

MẪU BÁO CÁO DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / 01/2017 của UBND Thành phố)

Biểu III.1 – Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND Thành phố

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH & HĐND CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

DANH SÁCH THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
THAM GIA ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Điện thoại liên hệ
1				
2				
...				

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;

.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC III

MẪU BÁO CÁO DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / 01/2017 của UBND Thành phố)

Biểu III.2 – Sở Kế hoạch và Đầu tư

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

DANH SÁCH DOANH NGHIỆP THAM GIA ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

STT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Điện thoại liên hệ
I	Doanh nghiệp Nhà nước (10 DN)		
1			
2			
...			
II	Doanh nghiệp FDI (10 DN)		
1			
2			
...			
III	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh (80 DN)		
1			
2			
...			

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;

.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC III

MẪU BÁO CÁO DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / 01/2017 của UBND Thành phố)

Biểu III.3 – Khối Sở, Ngành

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

DANH SÁCH LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ THAM GIA ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

STT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại liên hệ
1			
2			
3			

Nơi nhận:
- Sở Nội vụ;
- ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC III

MẪU BÁO CÁO DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC
(Kèm theo Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 11/01/2017 của UBND Thành phố)

Biểu III.4 – Khối Quận, huyện

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN/HUYỆN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

DANH SÁCH LÃNH ĐẠO QUẬN/HUYỆN THAM GIA ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

STT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại liên hệ
1			
2			
3			

DANH SÁCH TÊN CÁC XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN
THAM GIA ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

STT	Tên xã/phường/thị trấn	Địa chỉ trụ sở	Điện thoại liên hệ
1			
2			
3			

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;

.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký tên, đóng dấu)